

PHẨM CHẤT PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Phạm Lan Oanh*

Tóm tắt: *Vốn văn hóa không những là nền tảng mà còn là một trong những nguồn lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển xã hội theo hướng bền vững kinh tế - xã hội - môi trường. Vốn văn hóa của cá nhân và vốn văn hóa của cộng đồng nếu được kết hợp nhuần nhuyễn trong (vốn) tổ chức thì hiệu quả sẽ vô cùng to lớn. Phẩm chất người phụ nữ Việt Nam là nguồn vốn phi vật thể cần được kế thừa và điều chỉnh, phát triển để đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Hướng tới kỷ niệm 90 năm thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bài viết đề xuất tiêu chí xác định phẩm chất người phụ nữ Việt Nam mới và nêu các thách thức trong quá trình phát triển với mong muốn góp tiếng nói vào các phong trào và các cuộc vận động do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động trong giai đoạn 2021-2026.*

Từ khóa: *Phụ nữ Việt Nam, phẩm chất, phát triển bền vững.*

1. Văn hóa, nguồn vốn và phát triển bền vững

Văn hóa luôn có phần bất biến và khả biến để thích nghi với sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường mà nó đang tồn tại nhằm giữ gìn các giá trị cốt lõi mà vẫn tạo ra sự cân đối, hài hòa, ổn định đủ để khẳng định bản sắc. Với các di sản văn hóa phi vật thể, do đặc thù trao truyền trực tiếp và các thực hành được gắn với các hoạt động sống của con người nên quá trình sàng lọc và kế thừa vừa lâu bền, vừa kỹ lưỡng, vừa nhanh chóng đến bất ngờ. Những gì tinh túy còn lại – bền vững, được coi là giá trị cốt lõi, là vốn văn hóa thuộc về con người và chỉ có ở con người.

Là đối tượng của nghiên cứu khoa học và công nghệ, điều kiện để một sản phẩm nghiên cứu thành công cần có 5 nguồn vốn: nhân lực, tài lực, vật lực, tin lực (vốn thông tin) và vốn tổ chức. Là đối tượng của nghiên cứu kinh tế học thường được gắn với 5 loại vốn, gồm: Vốn tự nhiên (Natural capital): đất đai, rừng, nước, nguyên liệu...; Vốn vật chất (Physical capital): cơ sở hạ tầng, hàng hóa...; Vốn tài chính (Financial capital): nguồn lực tài chính để sử dụng; Vốn con người (Human capital): tri thức, kỹ năng làm việc, sức khỏe...; Vốn xã hội (Social capital): quan hệ xã hội, mạng lưới, niềm tin, nhóm thành viên... 5 loại vốn này có quan hệ mật thiết với nhau và có tác động mạnh mẽ tới những quyết sách mang tính bền vững, lâu dài trong đời sống xã hội, trong đó vốn con người mang tính quyết định, các nguồn vốn còn lại mang tính chi phối.

Xem xét các nghiên cứu về vốn xã hội ở phương diện vai trò, hiệu quả của nó đối với các lĩnh vực khác nhau, các tác giả Bourdieu (1986), Coleman (1988), Putnam (2000), Lin (2001, 2004), Fukuyama (2001) tuy còn những trao đổi chưa thống nhất, song, họ đã có 3 đồng thuận:

* PGS.TS. Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

“(i) Vốn xã hội gắn liền với mạng lưới xã hội và quan hệ xã hội. Nó đi liền với sự quan hệ có đi có lại và tin cậy lẫn nhau. Thông qua mạng lưới các thành viên tương tác với nhau và tạo nên sự tin cậy. Có sự mong đợi và trách nhiệm hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên như là một chuẩn mực gắn liền với trừng phạt khi cá nhân không thực hiện các chuẩn mực này. Đây được coi như là yếu tố cấu thành nên vốn xã hội.

(ii) Vốn xã hội gắn với nguồn lực. Và mạng lưới là một cơ sở để vốn xã hội vận hành và tạo cho cá nhân việc tiếp cận và khai thác nguồn lực.

(iii) Việc tạo ra vốn xã hội là hành động đầu tư vào các quan hệ xã hội và sự tham gia vào mạng lưới xã hội. Các cá nhân thuộc mạng lưới có thể tiếp cận, khai thác, sử dụng vốn xã hội để kiếm lợi cho bản thân. Vốn xã hội có thể được tạo ra cho mục đích cá nhân và vì thế nó có thể được chuyển thành vốn kinh tế, vốn con người hay phúc lợi xã hội” (1).

Là đối tượng của nghiên cứu khoa học văn hóa, khái niệm vốn văn hóa được coi là nguồn vốn luôn tương tác với vốn xã hội và vốn kinh tế, thêm vào đó, vốn văn hóa như một nguồn có thể thu lợi nhuận. Vốn văn hóa không chỉ là tài sản cá nhân mà còn là tài sản cộng đồng. Vốn văn hóa của cộng đồng có được những trải nghiệm lịch sử của cộng đồng đó trong lịch sử và khi hàm lượng vốn văn hóa cao sẽ có thể biến thành vốn kinh tế (2).

Phát triển bền vững là khái niệm xuất hiện lần đầu tiên trong ấn phẩm *Chiến lược bảo tồn Thế giới* (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN, năm 1980). Năm 1987 thuật ngữ này được Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED (nay là Ủy ban Brundtland) đưa ra: “Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng được các nhu cầu hiện tại nhưng không làm tổn hại đến nhu cầu của các thế hệ tương lai...” (3). Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội... phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hòa 3 lĩnh vực (trụ cột) chính: kinh tế - xã hội - môi trường (hệ sinh thái).

Năm 1992, tại Rio de Janeiro các đại biểu tham gia Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hiệp quốc đồng thuận với khái niệm này qua Tuyên ngôn Rio và Chương trình Nghị sự 21. Năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững họp tại Johannesburg, Nam Phi, cũng đề cập tới chủ đề toàn cầu hóa gắn với các vấn đề liên quan tới *sức khỏe và phát triển*. Việt Nam đã cam kết và thực hiện Dự án VIE/01/021 “Hỗ trợ xây dựng và thực hiện Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam”. Trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, và đặc biệt là văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, quan điểm *phát triển bền vững* càng được chú trọng hơn và nhấn mạnh nhiều lần trên nhiều góc độ tiếp cận.

Chính phủ cũng đã thành lập Hội đồng phát triển bền vững quốc gia để chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Quan niệm của các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu của Việt Nam, các trụ cột phát triển bền vững được xác định là: *Thứ nhất*, bền vững về mặt kinh tế, hay phát triển kinh tế bền vững là phát triển nhanh và an toàn, chất lượng; *Thứ hai*, bền vững về mặt xã hội là công bằng xã hội và phát triển con người, chỉ số phát triển con người (HDI) bao gồm: thu nhập bình quân đầu người; trình độ dân trí, giáo dục, sức khỏe, tuổi thọ, mức hưởng thụ về văn hóa, văn minh; *Thứ*

ba, bền vững về sinh thái môi trường là khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng môi trường sống.

Văn hóa được xác định là một trụ cột trong phát triển bền vững ở Việt Nam từ rất sớm, được thể hiện rõ trong Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc.

Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đây là quan điểm nền tảng để việc phát triển vốn văn hóa một cách lâu dài, bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay có thể triển khai một cách bài bản và đồng bộ quan điểm phát triển bền vững nếu Việt Nam có quyết tâm cao với sự đồng thuận từ trung ương tới địa phương.

2. Phụ nữ Việt Nam và bản sắc văn hóa Việt Nam nhìn từ vốn văn hóa

Phụ nữ Việt Nam trải qua lịch sử dân tộc đều có những đóng góp cụ thể ở các phương diện tổ chức đời sống cộng đồng, tổ chức đời sống cá nhân trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội và với chính bản thân. Nhờ quá trình đào luyện trong mối quan hệ chân kiềng đó, các phẩm chất con người Việt Nam nói chung, phụ nữ nói riêng đã được rèn giũa trở thành truyền thống quý báu như yêu lao động, yêu thương chăm sóc gia đình, yêu tổ quốc đồng bào, sẵn sàng hy sinh bảo vệ gia đình và cộng đồng khi tổ quốc bị giặc ngoại xâm. Trong cuộc sống luôn tằn tảo đảm đang, quán xuyến và biết thưởng thức cái đẹp, cái hay của cuộc đời với sự tinh tế, sáng tạo. Dù thân phận của người phụ nữ không được đánh giá cao trong xã hội phong kiến ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo, nhưng thực chất, ứng xử “vô Tầu lỗi Việt” [Quan điểm của GS Trần Quốc Vượng (1934-2005)] đã mang lại vị thế thực sự cho người phụ nữ khi họ là “nội tướng” trong gia đình.

Năm 1930 - dấu mốc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương và cũng là thời điểm đánh dấu sự ra đời của tổ chức Phụ nữ. Tháng 10-1930, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Nghị quyết về Phụ nữ vận động, xác định: “.. Đảng phải tổ chức ra các đoàn thể phụ nữ, phụ nữ hiệp hội mục đích là mưu quyền cho phụ nữ, làm cho phụ nữ triệt để giải phóng” (4).

Các giai đoạn phát triển từ 1930 đến 1976, trải qua các tên tổ chức như là Phụ nữ Giải phóng, Hội phụ nữ Dân chủ, Hội phụ nữ Phản đế, Đoàn Phụ nữ Cứu quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (ngày 20-10-1946), Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam (ngày 8-3-1961), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (năm 1976) lớn mạnh không ngừng, là tổ chức chính trị - xã hội nòng cốt, đóng góp to lớn vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, Hội đã đạt được những bước tiến dài trên con đường tạo lập vị thế bình đẳng cho phụ nữ Việt Nam.

Trải qua thời gian 90 năm ra đời và phát triển, gắn với các phong trào và các cuộc vận động cụ thể (5), sự lớn mạnh, trưởng thành của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nói chung, từng cá nhân phụ nữ nói riêng có thể tóm tắt qua bảng dưới đây.

<i>Tt</i>	<i>Giai đoạn</i>	<i>Phong trào thi đua</i>	<i>Cuộc vận động</i>
1	Thời kỳ giành chính quyền (1939–1945)	- Đánh Pháp, đuổi Nhật, phá kho thóc giải quyết nạn đói	
2	Thời kỳ chống Pháp (1945–1954)	- Phụ nữ học cày bừa, tăng gia sản xuất đảm bảo cho bộ đội "ăn no đánh thắng" - Mua công phiếu kháng chiến. - Phong trào Đời sống mới	
3	Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975)	- Thi đua 5 tốt với các nội dung: Đoàn kết sản xuất, tiết kiệm tốt, chấp hành chính sách tốt, tham gia quản lý tốt, học tập chính trị, văn hoá, kỹ thuật tốt, xây dựng gia đình nuôi dạy con tốt. - Ba đảm đang với các nội dung: Đảm đang sản xuất và công tác, đảm đang gia đình, đảm đang phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. - Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam (3-1965), phát động phong trào thi đua 5 tốt với nội dung: Đoàn kết đấu tranh chính trị, võ trang, binh vận tốt; Lao động sản xuất, tiết kiệm tốt; Chăm sóc, nuôi dưỡng thương bệnh binh; Học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn tốt; Rèn luyện tư cách đạo đức tốt.	
4	Thời kỳ 1975–1986	Giáo dục động viên phụ nữ cả nước tham gia cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.	(1982– 1987) - Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình - Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học
5	Thời kỳ Đổi mới (1986 - 1996)		- Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình - Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học
6	Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VIII (1997)	Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc - Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước; - Giỏi việc nước, đảm việc nhà Phong trào "Ngày tiết kiệm vì Phụ nữ nghèo" được phát triển thành "Hỗ trợ Phụ nữ tạo việc làm, tăng thu nhập".	

7	Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX (năm 2002)	Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc.	
8	Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ X (2007)	Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc.	<ul style="list-style-type: none"> - Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Xây dựng "Mái ấm tình thương" cho phụ nữ nghèo - Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch <p>(5 không: không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và mắc tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ 3 trở lên, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; 3 sạch: sạch nhà - sạch bếp - sạch ngõ).</p>
9	Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI (2012)	Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch. - Rèn luyện các phẩm chất đạo đức: tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang
10	Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XII (2017)	Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc.	<ul style="list-style-type: none"> Rèn luyện các phẩm chất đạo đức: tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang. Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch.

Có thể đánh giá rằng, sự nỗ lực của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các hội viên đã đem lại tiến bộ, trưởng thành của cá nhân và tổ chức... đã được Đảng, Chính phủ và toàn thể người dân ghi nhận trên con đường bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam. Lịch sử phát triển, bề dày thành tích của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là nguồn vốn văn hóa vừa cho phép các thành viên được tham gia, phối hợp hành động, cùng thúc đẩy sự tiến bộ chung và giảm thiểu các rủi ro để cùng xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, trước yêu cầu của thực tế, việc điều chỉnh các tiêu chí để đáp ứng yêu cầu bắt nhịp với khu vực và thế giới đang đặt ra là cần thiết.

3. Về xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện trong giai đoạn hiện nay và tương lai

Phẩm chất người phụ nữ Việt Nam mới được định hình gắn với 8 chữ vàng: *Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang* của giai đoạn trước được cụ thể hóa bằng 8 chữ gắn với giai đoạn

từ 2012 trở lại đây gồm: *Tự tin, Tự trọng, Trung hậu, Đảm đang* đã thể hiện bước tiến bộ trong tư duy rèn luyện phẩm chất mới phù hợp với bối cảnh đổi mới đất nước của Trung ương hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Hiện nay, hướng tới xây dựng con người Việt Nam mới đáp ứng xây dựng phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 33 và Kết luận số 76 của Thủ tướng Chính phủ, chúng tôi nhận thấy một số nội dung cần có sự điều chỉnh.

Xét thấy, dù trải qua giai đoạn lịch sử xã hội nào, mưu cầu hạnh phúc và tiến bộ vẫn luôn luôn là hằng số để con người hướng tới. Với các xã hội phương Đông, chịu ảnh hưởng của Nho giáo như Việt Nam, tiêu chuẩn đạo đức được đề cao, gán cho phụ nữ bao gồm 4 phẩm chất: Công - Dung - Ngôn - Hạnh. Trải qua chiến tranh, 8 chữ vàng do Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng phụ nữ đã động viên lực lượng phụ nữ vượt lên khó khăn, hoàn thành trách nhiệm công dân đối với dân với nước và với gia đình một cách xuất sắc. Tuy nhiên, không chỉ riêng phụ nữ, cả xã hội đều có chung mô hình *Phúc-Lộc-Thọ* (Tam đa) và *Phú-Quý-Thọ-Khang-Ninh* (Ngũ phúc) - đây là niềm mơ ước trọn vẹn về sự viên mãn trong cuộc sống, trong đó rất chú trọng yếu tố sức khỏe, tuổi thọ (*Ngũ phúc Thọ vi tiên*, tức là tiêu chí tuổi thọ cao được coi trọng hàng đầu, đồng nhất với tục trọng Lão: *Triều đình trọng Tuổi, hương đảng trọng Xi*).

Với nguồn vốn văn hóa gắn với truyền thống dân tộc và các quy ước về phẩm chất của phụ nữ đã có như trên, yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay đặt ra cần có những công dân mới, phát triển toàn diện, thậm chí công dân toàn cầu mà vẫn đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam, phụ nữ Việt Nam. Nguồn nhân lực lao động nữ thực sự đóng góp phần quan trọng cho sự thành công của chương trình nghị sự 21 cũng như chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững lấy con người làm trọng tâm, phát triển vì con người, phục vụ con người, lấy phụ nữ và trẻ em gái làm động lực của phát triển bền vững.

Phát biểu tại Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XII nhiệm kỳ 2017-2022, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh sự cần thiết phải tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện về *tri tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân...* nói một cách ngắn gọn, đó là người phụ nữ phải *có thể lực, trí lực và tâm lực tốt* (6). Bên cạnh đó, tiếp cận từ nền kinh tế số trong bối cảnh cách mạng khoa học công nghiệp lần thứ 4, người phụ nữ muốn hội nhập xã hội cần phải được phát triển theo hướng: *Tâm lực-Tri lực-Kỹ lực-Thể lực* (7).

Căn cứ vào nội dung các phong trào, các chương trình, các cuộc vận động, chúng tôi nhận thấy nội dung về cơ bản đều đề cập tới những nhu cầu cơ bản của quyền con người và những phẩm chất người phụ nữ Việt Nam được định hình, rèn giũa từ trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Những nội dung đó đều xoay quanh *năng lực trí tuệ, lao động sản xuất, bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ gìn hạnh phúc gia đình và chăm sóc con cái*. Như vậy, cùng lúc, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm gia đình đòi hỏi người phụ nữ luôn phải phấn đấu phát triển toàn diện nhằm đáp ứng đòi hỏi thực tiễn từng bối cảnh xã hội mà họ đang hiện diện (qua các phong trào và các cuộc vận động đã nêu ở phần trên). Vì những lẽ trên, chúng tôi có bảng so sánh dưới đây đề cập tới những phẩm chất con người nói chung, phụ nữ nói riêng cần rèn giũa, bao gồm những tiêu chí cụ thể đã có trong truyền thống (lấy đó làm tiêu chí căn bản) và những tiêu chí mới đáp ứng đòi hỏi của xã hội hiện nay.

TT ưu tiên	Phẩm chất								
	Trước 2012	2012- 2020	2021- trở đi	Truyền thống	Đề xuất phương án (phẩm chất và thuộc tính)				
1	Anh hùng (Công việc xã hội)	Tự tin (Ngôn từ)	Trí tuệ (Công việc)	Công (Công việc)	Mạnh khỏe (Dung mạo, Thể, Xanh)	Sức khỏe (Dung mạo, Thể, Xanh)	trí	xanh	Healthy/ health
2	Bất khuất (Phẩm hạnh)	Tự trọng (Phẩm hạnh)	Sáng tạo (Công việc)	Dung (Dung mạo)	Thông minh (Công việc, trí, tốt)	Thông thái (Công việc, trí, tốt)	thể	tốt	Wisdom, clever/ Erudite
3	Trung hậu (Phẩm hạnh)	Trung hậu (Phẩm hạnh)	Tự tin (Ngôn từ)	Ngôn (Ngôn từ)	Tự tin (Ngôn từ, mỹ, đẹp)	Tự tin (Ngôn từ, mỹ, đẹp)	mỹ	đẹp	Confident
4	Đảm đang (Công việc nhà)	Đảm đang (Công việc nhà và xã hội)	Nhân hậu (Phẩm hạnh)	Hạnh (Phẩm hạnh)	Nhân hậu (Phẩm hạnh, đức, lành)	Nhân hậu (Phẩm hạnh, đức, lành)	đức	lành	Lenient

Từ quan niệm truyền thống về phẩm chất của người phụ nữ cần hội đủ Công - Dung - Ngôn - Hạnh, chúng tôi nhận thấy sự tương đồng và kế nối, phát triển yêu cầu về phẩm chất của người phụ nữ qua các thời kỳ lịch sử.

Thực tế là, khi chiến tranh, phụ nữ cũng như nam giới, dành toàn tâm sức cho giải phóng dân tộc, do đó phẩm chất *Anh hùng* và *Đảm đang* đều liên quan tới hoạt động, công việc. Phẩm chất *Bất khuất*, *Trung hậu* liên quan tới phẩm hạnh. Như vậy, thiếu vắng hẳn tiêu chí *Dung* và *Ngôn*.

Sang giai đoạn từ năm 2012 trở đi, các phẩm chất tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang đã thể hiện sự đảm đang trong công việc cả gia đình và xã hội. Sự tự tin trong ngôn từ, và phẩm hạnh có trong phẩm chất tự trọng và trung hậu, nhưng vẫn chưa rõ ràng phẩm chất thể hiện chữ dung.

Chúng tôi mạnh dạn đưa ra phương án thể hiện phẩm chất người phụ nữ phát triển toàn diện hiện nay cần có bao gồm:

Sức khỏe thể chất lành mạnh sẽ là tiền đề cho sự lành mạnh về tinh thần, đây là tiêu chí xanh, hướng tới sức khỏe ổn định cho chính cá nhân người phụ nữ và góp phần vào sự lành mạnh của xã hội.

Sự thông minh, trí tuệ, trong đó sự thông thái đòi hỏi kiến thức rộng và bao trùm lên sự thông minh sẽ cho người phụ nữ các cơ hội giải quyết tốt đẹp các mối quan hệ xã hội cũng như khả năng xử lý công việc, học tập nâng cao trình độ một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Sự tự tin trong ngôn ngữ, cử chỉ, toát ra thần thái làm chủ bản thân của giới nữ mang lại vẻ đẹp thẩm mỹ và tâm lý bình đẳng.

Tâm lòng nhân hậu bao dung thể hiện sự âm áp, nữ tính thiên phú, đức hạnh, sự lành mạnh trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam.

Mục đích của việc rèn luyện các năng lực và phẩm chất nêu trên là phần đầu trở thành **phụ nữ hạnh phúc**.

Các thành tố để trở thành phụ nữ hạnh phúc là:

Phụ nữ hạnh phúc = sức khỏe, thông thái, tự tin, nhân hậu

(Vietnamese women happy = health, erudite, confident, lenient)

Đồng thời, người **phụ nữ hạnh phúc** đã hưởng ứng và góp phần hoàn thiện vào mục tiêu phát triển bền vững qua quá trình rèn luyện bản thân đáp ứng các tiêu chí **xanh, tốt, đẹp, lành** (*green, good, beautiful, safe*).

Xanh thể lực Sức khỏe,

Tốt trí tuệ Thông thái,

Đẹp kỹ năng Tự tin,

Lành tâm hồn Nhân hậu

Những đề xuất nêu trên đảm bảo *kế thừa vốn văn hóa dân tộc* sẵn có trong tâm hồn, trí tuệ, cốt cách người phụ nữ Việt Nam, đến nay, tích hợp tiêu chí phát triển toàn diện hướng tới sự *hài hòa, bền vững* giữa các mục tiêu nhằm hướng tới mục đích đã nêu vì *Hạnh phúc của người phụ nữ Việt Nam, các trẻ em gái cũng là Hạnh phúc của dân tộc Việt Nam* nói chung trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

Hướng tới Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII (2021), chúng tôi mong muốn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động Phong trào *Phụ nữ Hạnh phúc gắn với 2 cuộc vận động*:

Rèn luyện thể lực và các phẩm chất: Sức khỏe, Thông thái, Tự tin, Nhân hậu.

Xây dựng gia đình và xã hội Xanh Tốt Đẹp Lành.

Vốn văn hóa góp phần củng cố và giữ gìn các giá trị văn hóa được kế thừa liên tục và điều chỉnh thay đổi phù hợp với nền văn hóa sản sinh nuôi dưỡng nó, góp phần bảo vệ bản sắc và đảm bảo tính đa dạng văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam hòa nhập nhưng không hòa tan trong bối cảnh hiện nay. Các vốn văn hóa đó hoàn toàn trở thành sức mạnh của phụ nữ trong tư cách công dân, tư cách giới nữ và tư cách tổ chức lớn nhất của giới nữ ở Việt Nam.

Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể - vốn văn hóa gắn với các phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam phải do chính phụ nữ Việt Nam tự nhận thức, lựa chọn và quyết định. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các cơ quan liên quan, các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách chỉ đưa các gợi ý định hướng và cụ thể qua các phong trào, cuộc vận động, đề án, chương trình... theo lộ trình và trách nhiệm của mỗi người phụ nữ đều có quyền và nghĩa vụ lựa chọn cũng như đưa ra quyết định phù hợp nhất - đặc biệt là các đối tượng phụ nữ ở những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo khó khăn.

Vốn văn hóa gắn bó bền vững với người phụ nữ thể hiện ở các phẩm chất và năng lực được rèn giũa và hiện diện hằng ngày, thường xuyên qua lời ăn tiếng nói, hành động, học hành, làm việc, tương tác với gia đình, bạn bè, xã hội (8). Vốn văn hóa này được chính những người phụ nữ - trong cộng đồng giới nữ của mình thực hiện, kiểm soát, sáng tạo và gia tăng ý nghĩa cho các hành động bên cạnh cơ chế hỗ trợ, quản lý và định hướng của hệ thống thiết chế và thể chế xã hội quốc gia và hợp tác quốc tế.

Kết quả tích cực từ gợi ý điều chỉnh tiêu chí phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện trong giai đoạn hiện nay và sắp tới đảm bảo các tiêu chí hài hòa bền vững với thiên nhiên xung quanh, với con người, với xã hội và với chính mình với cơ thể khỏe mạnh, trái tim ấm áp và trí tuệ thông thái, tự tin hội nhập của người phụ nữ Việt Nam.

Ý nghĩa thiết thực của đề xuất: Trở thành gợi ý có giá trị đối với việc nghiên cứu, nhận diện tiêu chí người phụ nữ Việt Nam mới; Tạo cho phụ nữ Việt Nam có các cơ hội rèn luyện thể chất, nâng cao tri thức, trau dồi kỹ năng sống đẹp, lành mạnh và có cơ hội việc làm, cống hiến cho gia đình và xã hội lâu dài, toàn diện; Gắn kết mối quan hệ đa chiều trong nước và quốc tế.

Trong quá trình gợi ý điều chỉnh tiêu chí, chúng tôi cũng khuyến nghị những khó khăn, thách thức gặp phải, ví dụ:

Thách thức về nhân lực chất lượng cao trong triển khai chủ trương chính sách và tiếp tục nghiên cứu chính sách.

Thách thức trong giải quyết xung đột giữa cái bảo thủ lạc hậu và cái mới tiến bộ hoặc tâm lý chối bỏ vốn văn hóa truyền thống, thể hiện vọng ngoại, nô dịch văn hóa, nhất là các văn hóa mới gắn với công nghệ hiện đại.

Thách thức từ sự chuyển đổi các mối quan hệ xã hội truyền thống gắn với hôn nhân và gia đình, cấu trúc dân số và thành phần tộc người.

Thách thức từ sự chuyển biến về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo.

Thách thức từ thực trạng kinh tế giữa nhóm đói nghèo bền vững và nhóm tăng trưởng nóng bất chấp hậu quả.

Thách thức từ các điều kiện ngoại cảnh, thiên tai, dịch bệnh ngoài khả năng kiểm soát.v.v...

Trên đây là những suy nghĩ cá nhân, tính chủ quan còn rất lớn, rất cần suy nghĩ sâu sắc thêm và có các trải nghiệm để xác tín đề xuất nêu ra./.

P.L.O

1. Khúc Thị Thanh Vân (2013), *Tác động của vốn xã hội đến nông dân trong quá trình phát triển bền vững nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ (2010-2020)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 34-35.
2. Quan điểm của Pierre-Bourdieu, xem chi tiết trong Bùi Quang Thắng chủ biên (2008), *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 518-528.
3. Dẫn lại từ Khúc Thị Thanh Vân (2013), Sđd, tr. 37.
4. *Văn kiện Đảng về công tác vận động phụ nữ*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1970, tr. 10.
5. Xem thêm TS. Nguyễn Thị Mai Hoa, *Nhìn lại cuộc vận động rèn luyện phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam "Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang" và định hướng cho giai đoạn mới*, tham luận tọa đàm khoa học tại Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, 21-10-2020.
6. Xem thêm TS. Dương Kim Anh, *Phát triển nguồn nhân lực nữ và yêu cầu đối với phụ nữ phát triển toàn diện hiện nay*, tham luận tọa đàm khoa học Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, 21-10-2020.
7. Xem thêm TS. Vũ Thị Minh Ngọc, *Những vấn đề đặt ra với phát triển con người (trong đó có phụ nữ) trong giai đoạn hội nhập và nền kinh tế số hiện nay*, tham luận tọa đàm khoa học tại Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, 21-10-2020.
8. Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể bao gồm: Tiếng nói, chữ viết và Ngữ văn dân gian; Nghệ thuật trình diễn dân gian; Tập quán xã hội và Lễ hội truyền thống; Tri thức dân gian; Nghề thủ công truyền thống.

Phạm Lan Oanh: *Qualities of Vietnamese women in the national construction and sustainable development*

Cultural capital is not only the foundation but also one of the drivers to strongly promote social development for socio-economic sustainability. Cultural capital of individuals and cultural capital of the community, if incorporated smoothly in the (capital) organization, will bring great advantages.

The qualities of Vietnamese women are an intangible capital that needs to be inherited, adjusted, and developed to meet the sustainable development requirements of the country. Towards the 90th anniversary of the establishment of the Vietnam Women's Union, the article proposes criteria to define the qualities of new Vietnamese women and outlines challenges in the development process with the desire to contribute to the movements and campaigns launched by the Vietnam Women's Union in the period 2021-2026.

Keywords: Vietnamese women, qualities, sustainable development.